| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8 – VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 95 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2026
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Đặng Mộng Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Thanh Nhu

Bà Phạm Thị Lợi

***- Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Linh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 470/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 65/2026/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Trúc L1, sinh năm 1994;

CCCD số: 0831940011650 cấp ngày 25/08/2022;
Địa chỉ: ấp X, xã Y, tỉnh Vĩnh Long.

*2/ Bị đơn:* Anh Lê Vũ L2, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, tỉnh Vĩnh Long.

(Nguyên đơn chị L1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh L2 vắng mặt lần 02).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2025 trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L1 trình bày:*

Chị và anh Lê Vũ L2 cưới nhau vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện và có

đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, nay là xã Y, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/02/2012. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 02 năm 2025, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc thường xảy ra cự cãi, không có sự chia sẻ trong cuộc sống làm tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt xa cách không còn hạnh phúc mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì vợ chồng cũng không hàn gắn được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Vũ L2.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Khánh V, sinh ngày 14/01/2012. Hiện con chung đang sống cùng với anh L2. Do con chung muốn tiếp tục được sống chung với anh L2 nên chị đồng ý để con chung Khánh V cho anh L2 tiếp tục nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ

Về tài sản chung: không có, nợ chung: không có.

- Đối với bị đơn anh Lê Vũ L2, Tòa án có tống đạt các thông báo cho anh Lê Vũ L2 tham gia hòa giải, giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc L1 nhưng anh L2 đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L2 và vụ án không tiến hành hòa giải được.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

*1/Về tố tụng:* Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*2/Về nội dung:*

Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc L1 với anh Lê Vũ L2.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là Lê Khánh V, sinh ngày 14/01/2012. Hiện con chung đang sống cùng với anh L2. Do con chung Khánh V có nguyện vọng muốn tiếp tục được sống chung với anh L2 nên chấp nhận yêu cầu của chị L1 giao con chung Khánh V cho anh L2 tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L2 không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Ghi nhận sự tự nguyên cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ của chị L1.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc L1 và anh Lê Vũ L2 kết hôn với nhau vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, nay là xã Y, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/02/2012. Do đó, hôn nhân của chị L1 và anh L2 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công

nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị L1 cho rằng cuộc sống hôn nhân của chị và anh L2 đã có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm, không còn sống chung từ tháng 5 năm 2025 và không thể hàn gắn nên chị L1 nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Vũ L2. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã mời anh L2 đến Tòa tham gia hòa giải nhưng anh L2 không đến Tòa án để hòa giải giải quyết hay có ý kiến gì về yêu cầu L1 hôn của chị L1. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị L1 và anh L2 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị L1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau anh chị có 01 con chung là Lê Khánh V, sinh ngày 14/01/2012. Hiện con chung đang sống cùng với anh L2. Do con chung Khánh V có nguyện vọng muốn tiếp tục được sống chung với anh L2 nên chị L1 yêu cầu giao con chung Khánh V cho anh L2 tiếp tục nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Xét thấy, con chung Khánh V hiện đang sống ổn định với điều kiện đang sống hiện nay với anh L2 và con chung Khánh V có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh L2 nên yêu cầu của chị L1 là tiếp tục để cho con chung sống với anh L2 là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị L1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L1 trình bày không có, anh L2 vắng mặt không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị L1 phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc L1 đối với anh Lê Vũ L2.

2. Về con chung: 01 con chung là Lê Khánh V, sinh ngày 14/01/2012. Giao con chung là Lê Khánh V cho bị đơn anh Lê Vũ L2 tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của L1 về cấp dưỡng nuôi con chung Khánh V mỗi tháng là

2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung Khánh V tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 24/4/2026.

Chị Nguyễn Thị Trúc L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp chị L1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh L2 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị L1 phải nộp, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009167 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Án phí hôn nhân chị L1 đã nộp xong.

Về án phí cấp dưỡng: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) buộc chị L1 phải nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
*- TAND tỉnh Vĩnh Long;*
*- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;*
*- THADS tỉnh Vĩnh Long;*
*- UBND xã Y;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Đặng Mộng Tuyền**

**Nơi nhận:** **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

*- TAND tỉnh Bến Tre;*
*- VKSND huyện Ba Tri;*
*- THADS huyện Ba Tri;*
*- UBND xã Mỹ Nhơn;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ.*

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Mộng Tuyền

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Trường** **Trịnh Thị Hồng Thắm** **Nguyễn Duy L2**